TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 70/2021/DS-ST
Ngày: 24/9/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tần

2. Ông Nguyễn Văn Chiến.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Công - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Châu T, sinh năm 1960; có mặt tại phiên tòa

Địa chỉ: Thôn PL, xã CĐ, thị xã ST, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1972; vắng mặt tại phiên tòa

Địa chỉ: Thôn 9 (cũ) thôn 4 (mới), xã TH, huyện TT, TP. Hà Nội.

Nơi công tác: Phòng tài chính kế hoạch huyện TT, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2021 cùng các tài liệu của nguyên đơn là ông Nguyễn Châu T trình bày thì: Ông và bà Nguyễn Thị Bích T có quan hệ quen biết. Ngày 20/02/2014 dương lịch bà T có vay của ông số tiền 250.000.000đồng, bà T nói với ông để giải quyết công việc. Ông và bà T có thỏa thuận lãi suất là 3%/năm. Hai bên có viết giấy biên nhận

vay tiền. Bà T là người viết giấy. Thời hạn vay là 3 tháng bà T trả tiền. Bà T chưa trả được tiền lãi. Đến hẹn 3 tháng bà T không trả ông. Ông sang đòi nhiều lần thì bà T trả ông 130.000.000đồng vào ngày 15/12/2015. Số tiền bà T trả ông là vào tiền gốc. Sau đó bà T trả ông thêm bốn lần nữa, lần 1 trả 20.000.000đồng, lần 2 trả 10.000.000đồng, lần 3 trả 10.000.000đồng. Ba lần trên ông đều ghi vào giấy cho bà T và bà T giữ giấy, lần 4 bà T trả ông 11.000.000đồng vào cuối tháng 12/2020, ông không viết giấy biên nhận. Từ đó đến nay, ông đòi rất nhiều lần nhưng bà T không trả tôi tiền. Nay ông yêu cầu bà T phải trả ông số tiền 59.000.000đồng tiền gốc, ông không yêu cầu bà T trả lãi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/6/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày: Bà và ông Nguyễn Châu T không có quan hệ thân thích mà là bạn bè với nhau. Năm 2014 bà có vay ông T số tiền 250.000.000đồng để làm ăn, lãi suất là 2000đ/ngày/1 triệu, hẹn trong 3 tháng sẽ trả. Bà T có viết "giấy biên nhận vay tiền" đề ngày 20/02/2014 và ký dưới mục "Người vay tiền". Tuy nhiên trong giấy này không ghi lãi suất chỉ ghi số tiền vay và thời hạn trả. Nhưng thực tế bà T phải trả tiền lãi là 2000 đồng/1 ngày/1 triệu. Cụ thể số tiền lãi đã trả bao nhiêu thì bà không nhớ.

Về số tiền gốc: Đến ngày 15/12/2015 bà đã trả cho ông T số tiền 130 triệu đồng, sau đó có trả thêm cho ông T một số tiền nữa nhưng cụ thể thì bà không nhớ vì đã quá lâu. Toàn bộ việc trả tiền bà đều ghi vào giấy và sẽ cung cấp cho Toà án sau. Nay ông T yêu cầu bà trả số tiền 59.000.000đồng, bà sẽ về nhà kiểm tra lại toàn bộ các giấy tờ mà các lần bà trả tiền ông T và sẽ xác định số tiền cụ thể bà còn nợ ông T. Về số tiền lãi bà đã trả cho ông T bà cần đối chiếu lại các giấy tờ để xác định lại số tiền lãi và có yêu cầu tính lại tiền lãi hay không.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Châu T vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bà Nguyễn Thị Bích T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp:

- Đơn khởi kiện

- Giấy biên nhận vay tiền (bản chính)

- Sổ hộ khẩu (bản sao)

- Chứng minh thư ông Nguyễn Châu T (bản sao chứng thực)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình xây dựng hồ sơ và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được đảm bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Châu T.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.1].Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Châu T khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích T hiện đang cư trú tại thôn 9, xã TH, huyện TT nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội.

[1.2] Về chứng cứ: Tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ của Nguyên đơn ông Nguyễn Châu T và tại phiên tòa, ông T xác nhận: Các tài liệu ông Nguyễn Châu T đã giao nộp trong hồ sơ vụ án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác cần giao nộp; ông Nguyễn Châu T không có yêu cầu Tòa án xác minh thu thập thêm chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án. Bà Nguyễn Thị Bích T được Tòa án triêu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết việc ông T có đơn khởi kiện yêu cầu bà trả nợ. Bà T không có mặt tại tòa án theo giấy triêu tập, vắng mặt không có lý do chính đáng. Tuy nhiên, bà T đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do ông T cung cấp. Bà T khai bà sẽ cung cấp thêm tài liệu cho Tòa án, bà T không cung cấp. Tòa án phải ra thông báo ngày 24/6/2021 về việc giao nộp tài liệu chứng cứ nhưng bà T không nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Chứng cứ do ông T xuất trình, các chứng cứ trong hồ sơ đủ điều kiện là chứng cứ theo quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về chứng cứ của bị đơn: Không giao nộp

1.3] Về việc vắng mặt của bị đơn:

Vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Nội dung vụ kiện:

[2.1]. Về nội dung tranh chấp:

Do có mối quan hệ là bạn bè nên bà T đã vay tiền của ông T để làm ăn. Ngày 20/02/2014 dương lịch, hai bên đã thỏa thuận thiết lập 01 giấy biên nhận vay tiền với số tiền vay 250.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng. Đến ngày 15/12/2015 bà T đã trả ông T số tiền 130.000.000 đồng. Bà T không trả đúng hẹn ông T đã nhiều lần đòi tiền bà T thể hiện cụ thể các lần như sau: lần 1 bà T trả ông T được 20.000.000 đồng; lần 2 bà T trả tiền ông T được 10 triệu, lần 3 bà T trả tiền ông T được 10 triệu, (03 lần trên ông T

đều ghi giấy cho bà T, giấy do bà T giữ), lần 4 bà T trả ông được 11.000.000 đồng vào tháng 12 năm 2020. Từ đó đến nay ông T đòi bà T tiền rất nhiều lần nhưng bà T không trả. Nên ông T có đơn khởi kiện bà T trả số tiền 59.000.000 đồng và không yêu cầu bà T trả tiền lãi suất.

[2.2] Xét các căn cứ và tài liệu, chứng cứ ông T xuất trình để chứng minh. Xét giấy vay tiền trên do các bên thỏa thuận là tự nguyện phù hợp với quy định tại các Điều 280, 281, 285, 290, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Bà T thừa nhận có vay số tiền 250.000.000 của ông T và xác nhận Giấy biên nhận vay tiền do ông T xuất trình là đúng. Do vậy, có căn cứ xác định số tiền gốc bà T vay ông T là 250.000.000đồng.

[3]. Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quá trình trả tiền ông T khai bà T trả ông 130.000.000 đồng vào ngày 15/12/2015. Số tiền bà T trả ông là vào tiền gốc. Việc trả số tiền 130.000.000 đồng này được hai bên ghi vào góc bên trái phía dưới của giấy biên nhận vay tiền ngày 20/4/2014.

Sau đó bà T trả ông thêm bốn lần nữa, lần 1 trả 20.000.000đồng, lần 2 trả 10.000.000đồng, lần 3 trả 10.000.000đồng. Ba lần trên ông đều ghi vào giấy cho bà T và bà T giữ giấy, lần 4 bà T trả ông 11.000.000đồng vào cuối tháng 12/2020, ông không viết giấy biên nhận, còn lại 59.000.000đồng. Bà T cũng thừa nhận đã trả cho ông T 130.000.000đồng vào ngày 15/12/2015 và một số tiền nữa nhưng không nhớ. Toà án đã có thông báo yêu cầu bà T cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc vay nợ, trả nợ giữa bà và ông T nhưng bà T không giao nộp cho Toà án, không đến Toà án làm việc theo giấy triệu tập, không có yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hoà giải. Tại phiên tòa ông Nguyễn Châu T xác nhận bà T chỉ còn nợ ông số tiền 59.000.000đồng, còn các lần trả tiền ông không nhớ cụ thể từng lần bà T trả tiền, vì giấy ghi trả nợ bà T cầm. Như vậy có căn cứ xác nhận bà T còn nợ ông Tuấn số tiền là 59.000.000đồng.

Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông T. Buộc bà T phải thanh toán trả ông T toàn bộ số tiền nợ gốc là 59.000.000 đồng.

Xét về về yêu cầu trả lãi:

Tại Giấy biên nhận vay tiền ngày 20/4/2014 không ghi về tiền lãi. Ông T khai thực tế hai bên thoả thuận tiền lãi là 3%/năm, tức 0.25%/tháng, bà T vẫn chưa trả ông tháng lãi nào, cũng không có tài liệu chứng minh về lãi suất. Bà T khai lãi suất thoả thuận là 2000đ/ngày/1triệu, đã trả ông T một số tiền lãi nhưng không nhớ, bà cần đối chiếu lại các giấy tờ để xác định lại tiền lãi và có yêu cầu tính lại tiền lãi hay không, nhưng bà T không xuất trình được chứng cứ chứng minh số tiền lãi, không có yêu cầu phản tố,

không đến làm việc theo giấy triệu tập. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông T không yêu cầu bà T trả tiền lãi, đây là sự tự nguyện của ông T có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Châu T. Buộc bà Nguyễn Thị Bích T phải trả cho ông Nguyễn Châu T tổng số tiền là 59.000.000đ *(Năm mươi chín triệu đồng*).

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 2.950.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 280, 281, 285, 290, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1.Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Châu T.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích T thanh toán trả ông Nguyễn Châu T tổng số tiền là 59.000.000đ *(Năm mươi chín triệu đồng)*.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu 2.950.000đ *(Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Nguyễn Châu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu số AA/2020/ 0025025 ngày 20/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Châu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án. Bà T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố HN;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Yên